SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN
TRƯỜNG THPT PHẠM NGŨ LÃO

Số: 122a/BC-THPTPNL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ân Thi, ngày 15 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI

Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Phạm Ngũ Lão công khai điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông như sau:

I. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

Nhóm vị trí việc làm	Tổng số	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác
Cán bộ quản lý	03	0	03	0	0
Giáo viên	50	0	17	33	0
Nhân viên	03	0	0	3	0
Tổng cộng	56	0	20	46	0

Toàn trường có 56 cán bộ, giáo viên, nhân viên; 100% đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong đó có 20 người trình độ thạc sĩ, chiếm 35,71% tổng số đội ngũ.

Ban Giám hiệu gồm 03 người: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng; cả 03 người đều có trình độ thạc sĩ.

Cơ cấu tổ chức chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng, cụ thể:

- Tổ Tự nhiên 1: Toán, Tin học.
- Tổ Tự nhiên 2: Sinh học, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- Tổ Tự nhiên 3: Vật lí, Hóa học.
- Tổ Xã hội 1: Ngữ văn, Địa lí.
- Tổ Xã hội 2: Tiếng Anh, Lịch sử, Giáo dục kinh tế và pháp luật.
- Tổ Văn phòng.

2. Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp, chuẩn hiệu trưởng/phó hiệu trưởng (theo quy định áp dụng)

Đối tượng	Số thuộc diện đánh giá	Số đạt chuẩn	Tỷ lệ đạt chuẩn (%)
Giáo viên	50	50	100%
Cán bộ quản lý	3	3	100%

3. Kết quả bồi dưỡng hằng năm

Đối tượng	Số thuộc diện bồi dưỡng	Số hoàn thành	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Giáo viên	50	50	100%
Cán bộ quản lý	03	03	100%
Nhân viên	03	03	100%

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

1. Diện tích đất và diện tích bình quân/học sinh

Chỉ tiêu	Thực tế	Mức tối thiểu theo quy định	Đánh giá đối sánh
Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (m^2)	14.423m^2	Theo tiêu chuẩn hiện hành áp dụng	……
Số điểm trường (nếu có)	0	Không áp dụng/đối chiếu thực tế	……
Tổng số học sinh	1108	—	—
Diện tích đất bình quân/học sinh (m^2/HS)	13(m^2/HS)	10(m^2/HS)	Đạt

2. Số lượng, hạng mục các khối công trình và hạ tầng kỹ thuật

Nhóm hạng mục	Hiện có (số lượng/diện tích)	Đánh giá
Khối phòng hành chính quản trị	14/330m^2	Cơ bản
Khối phòng học tập (phòng học, bộ môn)	P.bộ môn: 7/144m^2 P. Tin học: 2/153m^2 P.Lớp học: 27/1639m^2	Cơ bản
Khối phòng hỗ trợ học tập	3/375m^2	Cơ bản
Khối phụ trợ	0	Cơ bản

Nhóm hạng mục	Hiện có (số lượng/diện tích)	Đánh giá
Khu sân chơi, thể dục thể thao	8700m^2	Cơ bản
Khối phục vụ sinh hoạt (nếu có)	0	Thiếu

Nhà trường có 07 phòng học bộ môn, 02 phòng Tin học. Thư viện được đánh giá đạt chuẩn theo thông tin nhà trường cung cấp; thông tin về văn bản công nhận, cấp độ và thời hạn sẽ bổ sung theo hồ sơ. Các hạng mục khác tiếp tục kiểm kê để đối sánh tiêu chuẩn tối thiểu.

3. Thiết bị dạy học hiện có và đối sánh danh mục thiết bị dạy học tối thiểu

Môn học/nhóm thiết bị	Số lượng hiện có	Mức đáp ứng
Toán	48	Cơ bản
Ngữ văn; Ngoại ngữ	118	Cơ bản
Vật lí; Hóa học; Sinh học	1702	Cơ bản
Lịch sử; Địa lí; GDKT&PL	283	Cơ bản
Tin học; Công nghệ	313	Cơ bản
Giáo dục thể chất; Nghệ thuật	647	Cơ bản
Thiết bị dùng chung và nhóm khác	430	Cơ bản

Theo tổng hợp ban đầu, thiết bị dạy học tối thiểu đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu tổ chức dạy học. Mức độ đáp ứng cụ thể theo từng môn học sẽ xác định sau khi kiểm kê, đối chiếu danh mục thiết bị tối thiểu hiện hành; chưa kết luận tỷ lệ đạt khi chưa có số liệu.

4. Sách giáo khoa và xuất bản phẩm tham khảo

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng tại trường đã được Bộ GD&ĐT phê duyệt

- Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định:

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Tự đánh giá và cải tiến chất lượng

- Thời điểm hoàn thành báo cáo tự đánh giá gần nhất: năm học 2025-2026 kết quả tự đánh giá: Cấp độ 2.

2. Đánh giá ngoài, công nhận kiểm định chất lượng giáo dục và trường đạt chuẩn quốc gia

Nội dung	Mốc thời gian/văn bản	Kết quả, cấp độ	Hiệu lực/ghi chú
Đánh giá ngoài	Tháng 4 năm 2024	Được công nhận KĐCL cấp độ 2	5 năm
Công nhận kiểm định chất lượng giáo dục	QĐ số 574/QĐ-SGDĐT ngày 06/6/2024 của Sở GD&ĐT Hưng Yên	Cấp độ 2	5 năm

Nội dung	Mốc thời gian/văn bản	Kết quả, cấp độ	Hiệu lực/ghi chú
Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia	QĐ 1788/QĐ-CTUBND ngày 19/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên	Mức độ 1	5 năm

IV. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI/CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP

"Không thực hiện".

V. TỔ CHỨC CÔNG KHAI VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Các tổ chuyên môn, bộ phận tổ chức - nhân sự, văn phòng, kế toán, quản trị cơ sở vật chất - thiết bị, thư viện và bộ phận phụ trách kiểm định chất lượng chịu trách nhiệm cung cấp số liệu, minh chứng chính xác, đầy đủ theo phạm vi được giao.

2. Bộ phận phụ trách cổng thông tin điện tử đăng tải báo cáo và các phụ lục sau khi được phê duyệt; bảo đảm thuận lợi tiếp cận và lưu công khai tối thiểu 05 năm theo Điều 15 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

3. Khi có thay đổi hoặc phát sinh số liệu chính thức, các bộ phận phối hợp cập nhật theo thời hạn quy định tại Điều 15 của Thông tư.

4. Báo cáo này phản ánh nội dung công khai theo Điều 8; nhà trường đồng thời thực hiện các nội dung công khai khác theo Điều 4, Điều 5, Điều 9 và báo cáo thường niên theo Điều 14 của Thông tư.

Nơi nhận:
- Cổng thông tin điện tử của trường;
- Các tổ, bộ phận có liên quan;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG PHẠM NGŨ LÃO

Ngô Thị Thùy Dung